

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30/2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2022

NGHỊ ĐỊNH
Quy định mô hình quản lý khu du lịch quốc gia

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định mô hình quản lý khu du lịch quốc gia.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về mô hình quản lý khu du lịch quốc gia bao gồm: các hình thức tổ chức quản lý khu du lịch quốc gia; nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quản lý khu du lịch quốc gia; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong công tác quản lý khu du lịch quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân Việt Nam, tổ chức và cá nhân nước ngoài liên quan tới mô hình quản lý khu du lịch quốc gia quy định tại Nghị định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức quản lý khu du lịch quốc gia là tổ chức được thành lập và có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý khu du lịch quốc gia.

2. Doanh nghiệp đầu tư hình thành khu du lịch quốc gia là doanh nghiệp đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác khu du lịch quốc gia được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

3. Dịch vụ hỗ trợ phát triển khu du lịch quốc gia là các dịch vụ đáp ứng nhu cầu của tổ chức, cá nhân nhằm thúc đẩy đầu tư, khai thác dịch vụ du lịch, tăng cường thu hút khách du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ tại khu du lịch quốc gia do tổ chức quản lý khu du lịch quốc gia cung cấp.

4. Ban quản lý chuyên ngành là các Ban quản lý được thành lập theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, lâm nghiệp, đa dạng sinh học, thủy sản và các ngành, lĩnh vực khác có liên quan.

Chương II

CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC QUẢN LÝ KHU DU LỊCH QUỐC GIA

Điều 4. Các loại hình tổ chức quản lý khu du lịch quốc gia

Các loại hình tổ chức quản lý khu du lịch quốc gia bao gồm:

1. Đơn vị quản lý khu du lịch quốc gia thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ.

2. Ban quản lý khu du lịch quốc gia thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

3. Doanh nghiệp đầu tư hình thành khu du lịch quốc gia.

Điều 5. Đơn vị quản lý khu du lịch quốc gia thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ

1. Đơn vị quản lý khu du lịch quốc gia là tổ chức hành chính của bộ, cơ quan ngang bộ. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị quản lý khu du lịch quốc gia tại khoản này được thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính.

2. Đơn vị quản lý khu du lịch quốc gia là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị quản lý khu du lịch quốc gia tại khoản này được thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức lại và giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Cơ cấu tổ chức của đơn vị quản lý khu du lịch quốc gia

a) Cơ cấu tổ chức của đơn vị quản lý khu du lịch quốc gia được quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

b) Cơ cấu tổ chức của đơn vị quản lý khu du lịch quốc gia được quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện tự chủ về tổ chức bộ máy theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức lại và giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 6. Ban quản lý khu du lịch quốc gia thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu du lịch quốc gia lựa chọn và tổ chức thực hiện thành lập hoặc tổ chức lại Ban quản lý thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Thành lập mới hoặc tổ chức lại Ban quản lý là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để quản lý khu du lịch quốc gia;

b) Tổ chức lại Ban quản lý chuyên ngành là đơn vị sự nghiệp công lập thành đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để quản lý khu du lịch quốc gia và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ thành lập hoặc tổ chức lại Ban quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều này để quản lý phần diện tích khu du lịch quốc gia trên địa bàn của tỉnh trong trường hợp khu du lịch quốc gia nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên.

3. Ban quản lý khu du lịch quốc gia được thành lập hoặc tổ chức lại sau khi khu du lịch quốc gia được công nhận theo quy định tại Điều 28 Luật Du lịch.

4. Căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao cho Ban quản lý khu du lịch quốc gia quản lý một hoặc nhiều khu du lịch trên địa bàn tỉnh.

5. Cơ cấu tổ chức của Ban quản lý khu du lịch quốc gia thực hiện tự chủ về tổ chức bộ máy theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức lại và giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể Ban quản lý khu du lịch quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức lại và giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 7. Doanh nghiệp đầu tư hình thành khu du lịch quốc gia

Cơ cấu tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp đầu tư hình thành khu du lịch quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Chương III
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN
CỦA TỔ CHỨC QUẢN LÝ KHU DU LỊCH QUỐC GIA

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị quản lý khu du lịch quốc gia thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ

Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị quản lý khu du lịch quốc gia thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ do cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính hoặc pháp luật về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý khu du lịch quốc gia thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Nhiệm vụ, quyền hạn phục vụ quản lý nhà nước

a) Nghiên cứu, xây dựng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch phát triển khu du lịch quốc gia dài hạn, trung hạn, hàng năm và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt; các chủ trương, chính sách đặc thù, chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư vào khu du lịch quốc gia; các chương trình, dự án đầu tư phát triển trong khu du lịch quốc gia bảo đảm phù hợp với các quy hoạch quốc gia, ngành, vùng, tỉnh; định mức, khung giá của dịch vụ hỗ trợ phát triển khu du lịch quốc gia;

b) Nghiên cứu, xây dựng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý đối với khu du lịch quốc gia nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên; xây dựng và ký kết quy chế phối hợp quản lý khu du lịch quốc gia với Ban quản lý chuyên ngành (nếu có);

c) Tham gia ý kiến đối với các dự án đầu tư, điều chỉnh quy hoạch trong phạm vi khu du lịch quốc gia;

d) Quản lý, kiểm tra và giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật của các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, các tổ chức, cá nhân liên quan; giám sát chất lượng dịch vụ du lịch trong phạm vi khu du lịch quốc gia; quản lý hoạt động của hướng dẫn viên du lịch tại điểm; lập biên bản ban đầu, bảo vệ hiện trường, bảo quản tang vật vi phạm, kịp thời báo cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

đ) Xây dựng hoặc phối hợp xây dựng và triển khai kế hoạch quản lý, đầu tư phát triển, bảo vệ, bảo tồn nâng cao giá trị, đa dạng hoá tài nguyên du lịch trong phạm vi khu du lịch quốc gia theo quy định của pháp luật;

e) Bảo đảm trật tự, an toàn cho khách du lịch, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vệ sinh môi trường; phục vụ công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh; không để xảy ra sai phạm liên quan tới công tác quản lý trong phạm vi khu du lịch quốc gia;

g) Ban hành và phổ biến, hướng dẫn thực hiện nội quy, kế hoạch bảo vệ môi trường, phương án ứng phó với sự cố môi trường, các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn cho khách du lịch trong khu du lịch quốc gia;

h) Nghiên cứu, đánh giá, xác định sức chứa của khu du lịch quốc gia để quản lý và tổ chức khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên du lịch;

i) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn cung cấp dịch vụ công

a) Tổ chức, cung cấp dịch vụ hướng dẫn, thuyết minh phục vụ khách du lịch; cung cấp dịch vụ hỗ trợ phát triển khu du lịch quốc gia; liên doanh, liên kết với các tổ chức và cá nhân để tổ chức kinh doanh dịch vụ du lịch, quản lý, khai thác tài nguyên du lịch trong phạm vi khu du lịch quốc gia;

b) Nghiên cứu, xây dựng, phát triển sản phẩm, thương hiệu của khu du lịch quốc gia; chương trình hợp tác quốc tế; tổ chức hoạt động xúc tiến, quảng bá khu du lịch quốc gia tới thị trường trong nước và quốc tế; ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại để cung cấp thông tin, ấn phẩm quảng bá du lịch;

c) Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ du lịch, văn hóa, ứng xử, ngoại ngữ cho đội ngũ nhân viên của Ban quản lý và nhân viên, người lao động của các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trong phạm vi khu du lịch quốc gia;

d) Tổ chức hoạt động trung tâm hỗ trợ du khách, cung cấp thông tin trong phạm vi khu du lịch quốc gia; xây dựng hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn; tiếp nhận giải quyết khiếu nại, phản ánh, kiến nghị, đề xuất, góp ý của khách du lịch trong phạm vi khu du lịch quốc gia;

đ) Thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí thăm quan, phí dịch vụ hỗ trợ phát triển khu du lịch quốc gia, các khoản thu từ hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân, cho thuê tài sản và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

e) Quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao, thực hiện quản lý ngân sách được phân bổ hàng năm và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện một số nhiệm vụ liên quan khác theo quy định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định này

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của doanh nghiệp đầu tư hình thành khu du lịch quốc gia

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm đ, e, g, h và i khoản 1; các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

2. Quản lý chất lượng dịch vụ du lịch trong phạm vi khu du lịch quốc gia; quản lý hoạt động của hướng dẫn viên du lịch tại điểm.

Điều 11. Cơ chế phối hợp

1. Cơ chế phối hợp của đơn vị quản lý khu du lịch quốc gia thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ với các cơ quan liên quan thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính hoặc pháp luật về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Cơ chế phối hợp của Ban quản lý khu du lịch quốc gia thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Ban quản lý làm đầu mối chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để quản lý và phát triển khu du lịch quốc gia;

b) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn phối hợp với Ban quản lý trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ liên quan tới công tác quản lý và phát triển khu du lịch quốc gia;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn khu du lịch quốc gia phối hợp với Ban quản lý thực hiện công tác bảo đảm an ninh trật tự, vệ sinh môi trường và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật;

d) Ban quản lý khu du lịch quốc gia chủ trì, phối hợp với Ban quản lý chuyên ngành để xây dựng Quy chế phối hợp quản lý khu du lịch quốc gia.

3. Cơ chế phối hợp trong quản lý khu du lịch quốc gia nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có phần diện tích khu du lịch quốc gia lớn hơn chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh còn lại xây dựng Quy chế phối hợp quản lý khu du lịch quốc gia;

b) Quy chế phối hợp quản lý khu du lịch quốc gia được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu du lịch quốc gia ký kết thực hiện sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Nội dung Quy chế phối hợp quản lý khu du lịch quốc gia gồm phạm vi, đối tượng điều chỉnh, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, nguyên tắc và nội dung phối hợp, mối quan hệ công tác giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện.

Điều 12. Chế độ báo cáo của Ban quản lý khu du lịch quốc gia

1. Ban quản lý thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất theo quy định của pháp luật gồm:

- a) Báo cáo định kỳ 06 tháng về công tác quản lý khu du lịch quốc gia;
- b) Báo cáo định kỳ hằng năm về công tác quản lý khu du lịch quốc gia;
- c) Báo cáo thống kê cơ sở;
- d) Báo cáo đột xuất.

2. Nội dung báo cáo

a) Nội dung báo cáo định kỳ 06 tháng và hằng năm gồm đánh giá công tác thực hiện các nội dung quản lý khu du lịch quốc gia được quy định tại Điều 9 Nghị định này (kết quả thực hiện, khó khăn, hạn chế, nguyên nhân, phương hướng hoạt động trong thời gian tiếp theo, kiến nghị và đề xuất);

b) Thời hạn chốt số liệu báo cáo được thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ báo cáo và thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 20 tháng 6 (đối với báo cáo định kỳ 06 tháng) và ngày 15 tháng 12 (đối với báo cáo định kỳ hằng năm). Riêng các chỉ tiêu báo cáo về tài chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính.

c) Báo cáo định kỳ được gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Tổng cục Du lịch), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh).

3. Báo cáo thống kê cơ sở; cơ quan nhận báo cáo, nội dung, thời hạn, kỳ gửi, phương thức gửi báo cáo thống kê được thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động du lịch do ngành du lịch quản lý, cấp phép.

4. Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 13. Cơ chế tài chính

1. Đơn vị quản lý khu du lịch quốc gia quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này do nhà nước bảo đảm ngân sách hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị quản lý khu du lịch quốc gia quy định tại khoản 2 Điều 5 và Ban quản lý khu du lịch quốc gia quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư hoặc đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ KHU DU LỊCH QUỐC GIA

Điều 14. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan tới công tác quản lý khu du lịch quốc gia;

b) Định hướng, quy hoạch phát triển khu du lịch quốc gia; định hướng công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, đào tạo nhân lực trong phạm vi khu du lịch quốc gia;

c) Tham gia thẩm định các đề án, dự án trọng điểm, quy hoạch phát triển khu du lịch quốc gia;

d) Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến đầu tư, quảng bá khu du lịch quốc gia trong chương trình xúc tiến điểm đến quốc gia;

đ) Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong quản lý và kinh doanh dịch vụ du lịch tại các khu du lịch quốc gia;

e) Tham gia ý kiến đối với Quy chế phối hợp quản lý khu du lịch quốc gia nằm trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu du lịch quốc gia;

g) Chỉ đạo đơn vị quản lý khu du lịch quốc gia thuộc phạm vi quản lý phối hợp với Ban quản lý chuyên ngành xây dựng và thống nhất ban hành Quy chế phối hợp quản lý khu du lịch quốc gia.

2. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi ngành quản lý liên quan tới công tác quản lý khu du lịch quốc gia;

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra về việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi ngành quản lý đối với khu du lịch quốc gia;

c) Tham gia thẩm định các đề án, dự án trọng điểm, quy hoạch phát triển khu du lịch quốc gia;

d) Chỉ đạo đơn vị quản lý khu du lịch quốc gia thuộc phạm vi quản lý phối hợp với Ban quản lý chuyên ngành xây dựng và thống nhất ban hành Quy chế phối hợp quản lý khu du lịch quốc gia.

3. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ khác có liên quan

Các bộ, cơ quan ngang bộ khác có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Xây dựng đề án và trình Thủ tướng Chính phủ thành lập hoặc tổ chức lại Ban quản lý;

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban quản lý thực hiện quản lý khu du lịch quốc gia;

c) Bảo đảm duy trì các điều kiện công nhận khu du lịch quốc gia;

d) Chủ trì hoặc phối hợp với tỉnh còn lại xây dựng, thống nhất ban hành Quy chế phối hợp quản lý khu du lịch quốc gia nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì xây dựng Quy chế phối hợp quản lý khu du lịch quốc gia gửi dự thảo văn bản đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để cho ý kiến;

đ) Chỉ đạo Ban quản lý khu du lịch quốc gia phối hợp với Ban quản lý chuyên ngành xây dựng và thống nhất ban hành Quy chế phối hợp quản lý khu du lịch quốc gia trên địa bàn.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có khu du lịch quốc gia

Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có khu du lịch quốc gia có trách nhiệm phối hợp với tổ chức quản lý khu du lịch quốc gia thực hiện công tác bảo đảm an ninh trật tự, vệ sinh môi trường và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh

- a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với khu du lịch quốc gia trên địa bàn;
- b) Phối hợp với tổ chức quản lý khu du lịch quốc gia trong thực hiện công tác quản lý và phát triển khu du lịch quốc gia;
- c) Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến, quảng bá khu du lịch quốc gia trong chương trình xúc tiến du lịch của tỉnh;
- d) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ hướng dẫn viên tại điểm;
- đ) Chủ trì, phối hợp tổ chức hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về du lịch của tổ chức quản lý khu du lịch quốc gia;
- e) Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh khác có liên quan

- a) Chủ trì, phối hợp tổ chức hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực quản lý ngành trong phạm vi khu du lịch quốc gia và hoạt động của tổ chức quản lý khu du lịch quốc gia;
- b) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác quản lý và phát triển khu du lịch quốc gia.

Điều 17. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ trong khu du lịch quốc gia có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật và nội quy của khu du lịch quốc gia; giữ gìn vệ sinh môi trường, an ninh, trật tự và bảo vệ tài nguyên du lịch trong khu du lịch quốc gia.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2022.

Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp

Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các khu du lịch quốc gia đã được công nhận phải tổ chức lại Ban quản lý theo quy định tại Nghị định này.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b). **110**

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Nguyễn Đức Đạm

Nguyễn Đức Đạm